TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/2025/DS-ST
Ngày: 15-8-2025
V/v:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành và bà Nguyễn Thị Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 162/2024/TLST-DS ngày 19/7/2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXXST-DS 30/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-DS ngày 25/7/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M A (Viết tắt: Công ty Tài chính M A).

Địa chỉ: Số X, Phường S G, Thành phố Hồ Chí Minh. (địa chỉ cũ: Số X, Phường B N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun Hyuong – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Bên nhận ủy quyền: Công ty Luật TNHH MTV TRỌN NIỀM TIN.

Địa chỉ: Phòng số 401, Tầng 4, Tòa nhà số 793/49/1 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Phòng số 401, Tầng 4, Tòa nhà số 793/49/1 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện: Ông Nguyễn Tất Thành – Chức vụ: Phó Giám đốc; (Theo hợp đồng ủy quyền số 012023/UQ-Luật TNT ngày 01/3/2023).

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Luật TNHH MTV TRỌN NIỀM TIN: Chị Lâm Thị Thùy Dương – Chức vụ: Chuyên viên pháp lý; địa chỉ: Phòng số 401, Tầng 4, Tòa nhà số 793/49/1 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Bị đơn*: Bà Trương Thị T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp P L 4, xã P L, tỉnh Đồng Nai. (địa chỉ cũ: ấp P L 4, xã P S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai).

(Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/12/2022, Công ty tài chính TNHH một thành viên M A (VIỆT NAM) (sau đây gọi tắt là Công ty Tài chính M A) ký Hợp đồng tín dụng số : 2728252 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) kèm theo Bản điều khoản và điều kiện cho vay (sau đây ghi tắt là HĐTD) về việc cấp tín dụng cho bà T với nội dung như sau: Số tiền vay: 53.300.000 đồng, bao gồm số tiền giải ngân là 50.000.000 đồng và 3.300.000 đồng phí bảo hiểm. Thời hạn vay: từ ngày 25/01/2022 đến ngày 25/12/2024. Lãi suất: 35%/năm. Kỳ thanh toán: ngày 25 dương lịch hàng tháng.

Nguyên đơn đã giải ngân 50.000.000 đồng theo phiếu báo nợ ngày 27/12/2021 vào tài khoản số 19032420352018 có tên tài khoản là NGUYEN THI DIEM LINH mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.

Kể từ ngày được giải ngân đến nay bà Trương Thị T chỉ mới thanh toán cho Công ty được 10 kỳ với số tiền là 24.230.142 đồng (Theo báo cáo lịch sử thanh toán). Trong đó số tiền gốc đã thanh toán là: 9.860.692 đồng; Số tiền lãi đã thanh toán là: 14.249.448 đồng; Số tiền phí đã thanh toán là 120.002 đồng.

Bắt đầu từ ngày 25/10/2022 đến nay bà Trương Thị T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo HĐTD đã ký kết với Công ty. Căn cứ Điều 11 Bản điều khoản và điều kiện cho vay, Nguyên đơn được quyền đơn phương chấm dứt cho vay và thu hồi toàn bộ khoản nợ trước hạn.

Nay, Công ty tài chính TNHH một thành viên M A (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu chấm dứt HĐTD trước thời hạn và yêu cầu bà T thanh toán tổng số tiền gốc và lãi tạm tính từ ngày 25/11/2022 (ngày bắt đầu chuyển nợ quá hạn) đến ngày 15/8/2025 là: **102.037.547** đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 43.439.308 đồng. Số tiền lãi chưa thanh toán (tạm tính từ kỳ thanh toán thứ 11 đến kỳ thanh toán thứ 36) là: 58.598.239 đồng. Bao gồm: Số tiền lãi trong hạn: 19.107.187 đồng. Số tiền lãi quá hạn: 35.382.445 đồng. Số tiền lãi chậm trả: 3.796.607 đồng. Phí thu hộ: 312.000 đồng. Buộc bà Trương Thị T phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 16/8/2025 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH một thành viên M A. Cụ thể:

- Buộc bà Trương Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tài chính TNHH một thành viên M A số tiền gốc là 43.439.308 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

- Về án phí: Bà Trương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Công ty tài chính TNHH một thành viên M A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy, bà Trương Thị T có nơi cư trú tại xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Đồng Nai theo qui định tại các Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Công ty tài chính TNHH một thành viên M A khởi kiện bà T trên cơ sở hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Căn cứ khoản 3, Điều 26, Điều 30, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và xác định Công ty tài chính TNHH một thành viên M A là nguyên đơn, bà T là bị đơn.

[1.3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy:

[2.1]. Về hình thức của hợp đồng tín dụng giữa Công ty tài chính M A và bà T (Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 2728252 ngày 23/12/2021):

Công ty tài chính M A là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật và được phép cấp tín dụng tiêu dùng. Tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng ngày 23/12/2021, bà T đã cung cấp các giấy tờ tùy thân, ký tên vào hợp đồng tín dụng. Như vậy, các bên giao kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện và lập thành văn bản theo đúng quy định của pháp luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, thỏa thuận tín dụng giữa các bên có hiệu lực pháp luật.

[2.2]. Về thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán:

Căn cứ vào Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 2728252 ngày 23/12/2021, có cơ sở xác định Công ty tài chính M A đã ký kết hợp đồng tín dụng cho bà T vay số tiền 53.300.000 đồng, bao gồm số tiền giải ngân là 50.000.000 đồng và 3.300.000 đồng phí bảo hiểm. Kể từ ngày được giải ngân đến nay bà Trương Thị T chỉ mới thanh toán cho Công ty được 10 kỳ với số tiền

là 24.230.142 đồng (Theo báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng). Trong đó số tiền gốc đã thanh toán là : 9.860.692 đồng; Số tiền lãi đã thanh toán là : 14.249.448 đồng; Số tiền phí đã thanh toán là 120.002 đồng. Bắt đầu từ ngày 25/10/2022 đến nay bà Trương Thị T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo HĐTD đã ký kết với Công ty.

Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty tài chính M A khởi kiện bà T là có căn cứ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

[2.3]. Về yêu cầu trả nợ gốc: Xét bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Do đó, Công ty tài chính M A yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 2728252 ngày 23/12/2021 với số tiền 43.439.308 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 351; Điều 357; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng.

[2.4]. Về yêu cầu trả tiền lãi: Số tiền lãi quá hạn Công ty tài chính M A yêu cầu bà T thanh toán được tính dựa vào sự thỏa thuận giữa các bên tại khoản 8.3 Điều 8 hợp đồng tín dụng số 2728252 ngày 23/12/2021, thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

Do đó, yêu cầu của Công ty tài chính M A về việc buộc bà T có nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi là 58.598.239 đồng, bao gồm nợ lãi trong hạn: 19.107.187 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 35.382.445 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 3.796.607 đồng; Phí thu hộ: 312.000 đồng, tạm tính đến ngày 15/8/2025 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5]. Xét yêu cầu của Công ty tài chính M A về việc yêu cầu bà T tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 16/8/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho vay cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ vay. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận của các bên được quy định tại Hợp đồng tín dụng số 2728252 ngày 23/12/2021nên có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính M A được chấp nhận nên bà Trương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả cho Công ty Tài chính M A tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 351; Điều 357; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự;
- Khoản 2 Điều 100; Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Khoản 2 Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M A.

Buộc bà Trương Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M A số tiền còn nợ tính đến ngày 15/8/2025 là: 102.037.547 đồng (*Một trăm lẻ hai triệu không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng*). Trong đó: Số dư nợ gốc: 43.439.308 đồng; Số tiền lãi là: 58.598.239 đồng.

Kể từ ngày 16/8/2025 bà Trương Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

2. Về án phí: Bà Trương Thị T phải chịu là 5.102.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty tài chính M A số tiền 1.294.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001160 ngày 15/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND khu vực 8;*
- *THADS tỉnh Đồng Nai;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS – LT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tuân